

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/5/2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Kim
- Ông Nguyễn Văn Bảy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 14/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trương Thị Kim R, sinh năm 1987 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/12/2023 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Kim R trình bày: Chị và anh Nguyễn Thanh T do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M (nay là huyện M) vào ngày 11/02/2009. Trong thời gian chung sống anh T cờ bạc không lo làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: chị R trình bày vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh T1, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Anh T2, sinh ngày 17/4/2019, hiện cháu T1 và cháu T2 đang sống chung với

anh **T** và ông bà nội của các cháu, sau khi ly hôn chị đồng ý để cháu **T1** và cháu **T2** cho anh **T** tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi 02 con; về chia tài sản khi ly hôn: chị **R** trình bày tài sản chung và nợ chung không có. Vì bận công việc nên chị xin vắng mặt những lần Tòa án mời.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể còn vắng mặt những lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **R** đối với anh **T**; Về con chung: Anh **T** được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Anh **T1**, sinh ngày 15/3/2011 và Nguyễn Anh **T2**, sinh ngày 17/4/2019, chị **R** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **T** không có yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn anh Nguyễn Thanh **T** có địa chỉ cư trú tại xã **K**, huyện **M** nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2]. *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Kim **R** đối với anh Nguyễn Thanh **T**, thấy rằng: Về hôn nhân: Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Phía chị **R** cho rằng trong thời gian chung sống anh **T** cờ bạc không lo làm ăn nên vợ chồng bất đồng quan điểm sống và thường xuyên cãi vã nhau. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thanh **T**. Phía anh **T** mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **R** nhưng anh không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của anh, những điều này chứng tỏ anh **T** không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị **R**. Nay chị **R** kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng anh **T** và điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Trương Thị Kim R** đối với anh **Nguyễn Thanh T** là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: chị **Trương Thị Kim R** trình bày anh chị có 02 con chung tên **Nguyễn Thị Anh T1**, sinh ngày 15/3/2011 và **Nguyễn Anh T2**, sinh ngày 17/4/2019, hiện đang sống chung với anh **T** và ông bà nội của các cháu, sau khi ly hôn chị đồng ý để anh **T** tiếp tục nuôi 02 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ trước đến nay cháu **T1** và **T2** sống với anh **T**, nguyện vọng của cháu **T1** là được tiếp tục sống với cha nên nghĩ để anh **T** tiếp tục trực tiếp nuôi cháu **T1**, cháu **T2** sau khi anh chị ly hôn là phù hợp quy định pháp luật nhằm không làm xáo trộn cuộc sống cũng như sinh hoạt, học tập của cháu **T1** và **T2**. Do anh **T** không có đơn yêu cầu chị **R** cấp dưỡng nuôi 02 con nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về chia tài sản khi ly hôn: chị **Trương Thị Kim R** trình bày giữa chị và anh **Nguyễn Thanh T** không có tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[4]. *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: chị **Trương Thị Kim R** phải chịu theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Trương Thị Kim R**.

Chị **Trương Thị Kim R** được ly hôn với anh **Nguyễn Thanh T**.

Về con chung: Anh **Nguyễn Thanh T** được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung tên **Nguyễn Thị Anh T1**, sinh ngày 15/3/2011 và **Nguyễn Anh T2**, sinh ngày 17/4/2019, hiện cháu **T1**, **T2** đang sống chung với anh **T**, chị **Trương Thị Kim R** không phải cấp dưỡng nuôi con do anh **T** không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con

thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị **Trương Thị Kim R** trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị **Trương Thị Kim R** phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003017 ngày 10/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không phải nộp thêm.

Về quyền kháng cáo và thi hành án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Định Thủy, huyện Mô Cày (nay là huyện Mô Cày Nam), ĐKKH số 14, quyển 01, ngày 11/02/2009 (1b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ